

Số 45.22 CV/VID-HĐQT

TP.HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2022

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi:** - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
  - Mã chứng khoán: VID
  - Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
  - Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
  - E-mail: [info@dautuviendong.vn](mailto:info@dautuviendong.vn) Website: <https://dautuviendong.vn>
- Nội dung thông tin công bố : Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông xin công bố :
  - ✓ Báo cáo tài chính riêng bán niên 2022 đã được soát xét
  - ✓ Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2022 đã được soát xét
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/08/2022 tại đường dẫn : [www.dautuviendong.vn](http://www.dautuviendong.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC riêng bán niên 2022 đã được soát xét
- BCTC hợp nhất bán niên 2022 đã được soát xét

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Bùi Quang Khoa**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
THƯƠNG MẠI VIỆT ĐÔNG**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022  
và kết thúc vào ngày 30/06/2022



## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 6
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	7 - 8
<b>3. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	9 - 12
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	14 - 15
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	16 - 45

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 17) vào ngày 19 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 355.107.890.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là VID.

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Gia công, sản xuất bao bì giấy; Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (trừ sản xuất bột giấy, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: sửa chữa thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế thiết bị sản xuất giấy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo, gia công thiết bị sản xuất giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Gia công, sản xuất bao bì nhôm, nhựa (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Xuất nhập khẩu : các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy. Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định. Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, đầu lọc, màng nhôm, màng nhựa. Mua bán sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời (sân vận động bóng đá) (trừ hoạt động của các sân nhảy);

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống cho các sự kiện trong một khoảng thời gian cụ thể; Đồ ăn thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; cung cấp suất ăn theo hợp đồng; hoạt động của các căng tin và nhà hàng tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán giải khát, hàng bia, quán cà phê, nước hoa quả, giải khát, dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Đào tạo trung cấp. Chi tiết: Đào tạo nghề; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dạy nghề;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn tự động phục vụ, quán ăn nhanh có phục vụ đồ ăn mang về, xe bán hàng ăn lưu động (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật (trừ hoạt động sân khấu);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

- Đào tạo thực sỹ (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo tiến sỹ (không hoạt động tại trụ sở);
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng. Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng nhân các sự kiện như phục vụ tiệc, hội nghị, tiệc gia đình, đám cưới hoặc hợp đồng dịch vụ ăn uống, phục vụ ăn uống cho các sự kiện thể thao, hội nghị hoặc tương tự, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu nhân các công việc của họ như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác.

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch – người đại diện theo pháp luật (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
- Ông Bùi Quang Mẫn	Chủ tịch – người đại diện theo pháp luật (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)
- Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)
- Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên
- Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
- Ông Phạm Tất Phú	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
- Bà Phạm Thị Như Ngọc	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng ban
- Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
- Bà Trần Thị Tình	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
- Bà Bùi Thị Ngọc Yến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Bùi Quang Khoa	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)
- Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Công ty đã phát hành 5.325.280 cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02.22/NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 và Nghị quyết 05.22/NQ/VID-HĐQT ngày 24/05/2022 của Hội đồng Quản trị về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021.

Ngày 14/07/2022, Công ty đã thông qua Nghị quyết 07.22/NQ/VID-HĐQT về việc thông báo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo đó số lượng cổ phiếu đã phân phối là 5.325.280 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu lưu hành tăng từ 35.510.789 cổ phiếu lên 40.836.069 cổ phiếu. Vốn điều lệ tăng từ 355.107.890.000 đồng lên 408.360.690.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viên Đông phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Bùi Quang Minh**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Bùi Quang Khoa**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 003 /2022/BCSX-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: CÁC CÔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được lập ngày 12/08/2022, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 được trình bày từ trang 09 đến trang 45 kèm theo.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.**



**Trương Quang Trung**

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1752-2018-242-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>24.672.899.233</b>	<b>12.544.764.953</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>287.576.593</b>	<b>384.373.476</b>
Tiền	111		287.576.593	384.373.476
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.221.966.594</b>	<b>7.783.783.567</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	54.328.348.928	41.858.773.508
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.538.327.040	1.589.904.147
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4a	2.830.164.630	3.653.831.077
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(38.474.874.004)	(39.318.725.165)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	-	<b>51.268.368</b>
Hàng tồn kho	141		-	103.359.898
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(52.091.530)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.163.356.046</b>	<b>4.325.339.542</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7a	100.352.901	142.104.088
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.063.003.145	4.183.235.454
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>431.517.806.486</b>	<b>438.159.705.652</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>110.127.000.000</b>	<b>120.060.000.000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.8	109.827.000.000	119.760.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.4b	300.000.000	300.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.180.824.146</b>	<b>41.030.869.714</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	38.136.328.026	40.971.003.592
- Nguyên giá	222		88.093.852.392	87.524.378.483
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(49.957.524.366)	(46.553.374.891)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	44.496.120	59.866.122
- Nguyên giá	228		452.034.723	452.034.723
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(407.538.603)	(392.168.601)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>178.424.766</b>	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.11	178.424.766	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.12</b>	<b>282.813.324.940</b>	<b>276.846.324.940</b>
Đầu tư vào công ty con	251		124.923.656.500	124.923.656.500
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		132.568.228.440	126.601.228.440
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		25.658.940.000	25.658.940.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(337.500.000)	(337.500.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>218.232.634</b>	<b>222.510.998</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7b	218.232.634	222.510.998
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>456.190.705.719</b>	<b>450.704.470.605</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.658.898.762</b>	<b>7.112.914.120</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.658.898.762</b>	<b>7.112.914.120</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	2.854.863.680	422.134.154
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.514.180.593	2.608.819.256
Phải trả người lao động	314		-	491.400.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	736.969.453	1.747.788.287
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	2.552.885.036	1.842.772.423
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>448.531.806.957</b>	<b>443.591.556.485</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>448.531.806.957</b>	<b>443.591.556.485</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		355.107.890.000	355.107.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		355.107.890.000	355.107.890.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.254.265.000	3.254.265.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.967.606.986	2.967.606.986
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.425.799.489	8.425.799.489
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		105.844.658	105.844.658
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.670.400.824	73.730.150.352
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		73.017.037.739	38.074.519.655
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.653.363.085	35.655.630.697
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>456.190.705.719</b>	<b>450.704.470.605</b>

Ngày 12 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thủy Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy Tiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	52.591.924.894	20.000.432.644
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>52.591.924.894</b>	<b>20.000.432.644</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	47.074.168.949	14.976.461.837
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5.517.755.945</b>	<b>5.023.970.807</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.717.976.602	8.680.732.421
Chi phí tài chính	22		-	14.454
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	13.581.272.125	13.036.800.339
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.654.460.422</b>	<b>667.888.435</b>
Thu nhập khác	31	6.5	37.845.303	118.922.557
Chi phí khác	32	6.6	38.942.640	4.430.674.491
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.097.337)</b>	<b>(4.311.751.934)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.653.363.085</b>	<b>(3.643.863.499)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.653.363.085</b>	<b>(3.643.863.499)</b>

Ngày 12 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thủy Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thủy Tiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp gián tiếp)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.653.363.085	(3.643.863.499)
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.419.519.477	3.285.897.626
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.717.976.602)	(8.798.914.239)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.645.094.040)	(9.156.880.112)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.486.551.070)	2.363.748.234
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	103.359.898	(909.835.542)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(334.315.548)	(1.141.527.436)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	46.029.551	1.015.092.526
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(6.700.052.133)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.000.000)	(24.550.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(16.319.571.209)</b>	<b>(14.554.004.463)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(577.711.098)	(720.672.968)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	118.181.818
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(19.500.000.000)	(15.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	29.433.000.000	8.380.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.967.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	8.175.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.834.485.424	8.528.585.770
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>16.222.774.326</b>	<b>8.781.094.620</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp gián tiếp)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>(96.796.883)</b>	<b>(5.772.909.843)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	384.373.476	8.680.440.191
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>287.576.593</b>	<b>2.907.530.348</b>

Ngày 12 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thủy Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy Tiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 17) vào ngày 19 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 hoạt động bán hàng hóa các loại và dịch vụ cho thuê mặt bằng có ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Nhân sự**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 29 người (31 tháng 12 năm 2021: 28 người).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các công ty con, công ty liên kết, liên doanh của Công ty tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 gồm:

Tên	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con:</b>			
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	51,03%	51,03%	51,03%
<b>Công ty liên kết, liên doanh:</b>			
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	33,27%	33,27%	33,27%
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	32,98%	32,98%	32,98%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	28,33%	28,33%	28,33%
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	27,04%	27,04%	27,04%

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương	Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn để độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty.

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

**4.3. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại các số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

#### **4.4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

#### **4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- |                   |                     |
|-------------------|---------------------|
| - Nguyên vật liệu | Bình quân gia quyền |
| - Thành phẩm      | Bình quân gia quyền |
| - Hàng hóa        | Bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

***Tài sản cố định hữu hình***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

**4.7. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

**4.9. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

***Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**4.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.11. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.12. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

***Các quỹ***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**4.13. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.14. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**4.15. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Văn phòng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Thuế suất ưu đãi, miễn giảm áp dụng cho Chi nhánh Bình Dương căn cứ Điều 7 của Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000299 ngày 22 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, cụ thể như sau:

- Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Chi nhánh được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế.
- Năm 2022 là năm thứ mười hai Chi nhánh áp dụng điều khoản hưởng thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính tổng hợp và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

#### **4.16. Công cụ tài chính**

##### ***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.17. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**4.18. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền**

	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
- Tiền mặt	55.744.719	79.828.287
- Tiền gửi ngân hàng	231.831.874	304.545.189
<b>Cộng</b>	<b>287.576.593</b>	<b>384.373.476</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b><i>Phải thu khách hàng là bên liên quan</i></b>	<b>44.559.371.125</b>	<b>31.849.198.395</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	29.129.970.801	29.129.970.801
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	3.311.800.324	2.719.227.594
- Công Ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	12.117.600.000	-
<b><i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i></b>	<b>9.768.977.803</b>	<b>10.009.575.113</b>
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	9.699.145.003
- Các khách hàng khác	69.832.800	310.430.110
<b>Cộng</b>	<b>54.328.348.928</b>	<b>41.858.773.508</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b><i>Các nhà cung cấp là bên thứ ba</i></b>	<b>1.538.327.040</b>	<b>1.589.904.147</b>
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên	1.062.600.000	708.400.000
- Các nhà cung cấp khác	475.727.040	881.504.147
<b>Cộng</b>	<b>1.538.327.040</b>	<b>1.589.904.147</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**5.4 Phải thu khác**

**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	54.338.110	-	163.785.335	-
Ký cược, ký quỹ	32.000.000	-	5.000.000	-
Phải thu khác	2.743.826.520	-	3.485.045.742	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan</b>	<b>1.858.288.164</b>	<b>-</b>	<b>2.533.117.019</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	1.515.345.698	-	886.280.548	-
- Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ	342.942.466	-	22.687.671	-
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	-	-	1.624.148.800	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba</b>	<b>885.538.356</b>	<b>-</b>	<b>951.928.723</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Tac Paritas	745.538.356	-	811.367.123	-
- Các đối tượng khác	140.000.000	-	140.561.600	-
<b>Cộng</b>	<b>2.830.164.630</b>	<b>-</b>	<b>3.653.831.077</b>	<b>-</b>

**b. Phải thu dài hạn khác**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	300.000.000	-	300.000.000	-
- Ký quỹ thuê mặt bằng	300.000.000	-	300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>300.000.000</b>	<b>-</b>

**5.5 Nợ xấu**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
- Từ 03 năm trở lên	37.932.109.804	-	38.775.960.965	-
- Từ 02 đến dưới 03 năm	471.306.000	141.391.800	471.306.000	141.391.800
- Từ 01 đến dưới 02 năm	425.700.000	212.850.000	425.700.000	212.850.000
- Dưới 01 năm	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>38.829.115.804</b>	<b>354.241.800</b>	<b>39.672.966.965</b>	<b>354.241.800</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Số đầu kỳ	39.318.725.165	41.102.048.030
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(843.851.161)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>38.474.874.004</b>	<b>41.102.048.030</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	-	-	103.359.898	52.091.530
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>103.359.898</b>	<b>52.091.530</b>

**Tình hình biến động các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Số đầu kỳ	52.091.530	3.845.320.162
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(52.091.530)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>3.845.320.162</b>

**5.7 Chi phí trả trước**

**a Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.082.453	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	63.270.448	142.104.088
<b>Cộng</b>	<b>100.352.901</b>	<b>142.104.088</b>

**b Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.599.717	85.302.402
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	176.632.917	137.208.596
<b>Cộng</b>	<b>218.232.634</b>	<b>222.510.998</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**5.8 Phải thu về cho vay dài hạn**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<b>Bên vay là bên liên quan</b>	<b>56.477.000.000</b>	<b>75.810.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (i)	55.477.000.000	53.610.000.000
- Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ (i)	1.000.000.000	22.200.000.000
<b>Bên vay là bên thứ ba</b>	<b>53.350.000.000</b>	<b>43.950.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Tac Paritas (i)	53.350.000.000	43.950.000.000
<b>Cộng</b>	<b>109.827.000.000</b>	<b>119.760.000.000</b>

**(i) Chi tiết như sau:**

Bên vay	Số hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số dư tại ngày 30/06/2022
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Hợp đồng 01/HĐVV/VĐ-GTL ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn số 01 ngày 30/01/2018 và phụ lục 02 ngày 30/12/2020	Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2022	7,0%/năm	55.477.000.000
Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ	Hợp đồng vay vốn số 03122021/HĐVV/VĐ-VM ngày 03 tháng 12 năm 2021	Từ ngày 03/12/2021 đến ngày 02/12/2023	7,0%/năm	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Tac Paritas	Hợp đồng 01/HĐVV/2017/VĐ-PA ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn số 01 ngày 30/01/2018 và phụ lục 02 ngày 30/12/2020	Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2022	7,0%/năm	53.350.000.000
				<b>109.827.000.000</b>

(\*) Điều khoản đảm bảo cho các khoản vay trên là tín chấp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
01/01/2022	75.656.677.678	6.220.834.881	3.182.697.417	2.464.168.507	87.524.378.483
Mua trong kỳ	-	60.383.000	509.090.909	-	569.473.909
<b>30/06/2022</b>	<b>75.656.677.678</b>	<b>6.281.217.881</b>	<b>3.691.788.326</b>	<b>2.464.168.507</b>	<b>88.093.852.392</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	12.236.552.042	5.037.824.112	2.869.327.417	1.758.302.143	21.902.005.714
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
01/01/2022	35.674.552.508	5.606.169.733	3.026.903.766	2.245.748.884	46.553.374.891
Khấu hao trong kỳ	3.182.741.082	121.177.491	28.131.530	72.099.372	3.404.149.475
<b>30/06/2022</b>	<b>38.857.293.590</b>	<b>5.727.347.224</b>	<b>3.055.035.296</b>	<b>2.317.848.256</b>	<b>49.957.524.366</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
01/01/2022	39.982.125.170	614.665.148	155.793.651	218.419.623	40.971.003.592
<b>30/06/2022</b>	<b>36.799.384.088</b>	<b>553.870.657</b>	<b>636.753.030</b>	<b>146.320.251</b>	<b>38.136.328.026</b>

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
01/01/2022	452.034.723	392.168.601	59.866.122
Tăng trong kỳ	-	15.370.002	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>30/06/2022</b>	<b>452.034.723</b>	<b>407.538.603</b>	<b>44.496.120</b>

Tại ngày 30/06/2022, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 298.334.723 đồng.

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
- Công trình cải tạo phòng hậu cần hội trường toilet nam	111.352.846	-
- Công trình cải tạo phòng kho thành phòng vệ sinh và phòng sấy	67.071.920	-
<b>Cộng</b>	<b>178.424.766</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**5.12 Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>124.923.656.500</b>	-	(*)	<b>124.923.656.500</b>	-	(*)
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	124.923.656.500	-	(*)	124.923.656.500	-	(*)
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>132.568.228.440</b>	-	(*)	<b>126.601.228.440</b>	-	(*)
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	30.000.000.000	-	(*)	30.000.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	33.745.517.000	-	- 61.449.751.869	33.745.517.000	-	- 68.577.152.556
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	14.841.400.000	-	(*)	14.841.400.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	49.232.000.000	-	(*)	43.265.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	4.749.311.440	-	(*)	4.749.311.440	-	(*)
<b>Đầu tư vào công ty khác</b>	<b>25.658.940.000</b>	<b>337.500.000</b>	(*)	<b>25.658.940.000</b>	<b>337.500.000</b>	(*)
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	24.905.440.000	-	(*)	24.905.440.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	416.000.000	-	(*)	416.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	337.500.000	337.500.000	(*)	337.500.000	337.500.000	(*)
<b>Cộng</b>	<b>283.150.824.940</b>	<b>337.500.000</b>	(*)	<b>277.183.824.940</b>	<b>337.500.000</b>	(*)

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**Chi tiết các khoản đầu tư**

	30/06/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%) trong vốn điều lệ Công ty nhận đầu tư	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%) trong vốn điều lệ Công ty nhận đầu tư	Giá trị (VND)
<b>Đầu tư vào công ty con</b>			<b>124.923.656.500</b>			<b>124.923.656.500</b>
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	7.838.347,00	51,03%	124.923.656.500	7.838.347,00	51,03%	124.923.656.500
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>			<b>132.568.228.440</b>			<b>126.601.228.440</b>
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	3.000.000,00	30,00%	30.000.000.000	3.000.000,00	30,00%	30.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	3.852.649,00	33,27%	33.745.517.000	3.852.649,00	33,27%	33.745.517.000
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	1.484.140,00	32,98%	14.841.400.000	1.484.140,00	32,98%	14.841.400.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	2.585.700,00	28,33%	49.232.000.000	1.989.000,00	28,33%	43.265.000.000
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	527.427,00	27,04%	4.749.311.440	527.427,00	27,04%	4.749.311.440
<b>Đầu tư vào công ty khác</b>			<b>25.658.940.000</b>			<b>25.658.940.000</b>
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	604.044,00	6,71%	24.905.440.000	604.044,00	6,71%	24.905.440.000
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	41.600,00	13,87%	416.000.000	41.600,00	13,87%	416.000.000
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	33.750,00	15,00%	337.500.000	33.750,00	15,00%	337.500.000
<b>Cộng</b>			<b><u>283.150.824.940</u></b>			<b><u>277.183.824.940</u></b>

**Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Số đầu kỳ	337.500.000	337.500.000
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Giảm khoản dự phòng do thanh lý khoản đầu tư	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>337.500.000</u></b>	<b><u>337.500.000</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán là bên liên quan</b>	-	-	<b>18.532.275</b>	<b>18.532.275</b>
- Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ	-	-	18.532.275	18.532.275
<b>Phải trả người bán là bên thứ ba</b>	<b>2.854.863.680</b>	<b>2.854.863.680</b>	<b>403.601.879</b>	<b>403.601.879</b>
- Công ty Cổ phần Tac Paritas	1.995.292.700	1.995.292.700	-	-
- Công ty Cổ phần In Và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	802.570.980	802.570.980	273.634.291	273.634.291
- Các nhà cung cấp khác	57.000.000	57.000.000	129.967.588	129.967.588
<b>Cộng</b>	<b>2.854.863.680</b>	<b>2.854.863.680</b>	<b>422.134.154</b>	<b>422.134.154</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.441.204.444	1.441.204.444	1.441.204.444	1.441.204.444
- Thuế thu nhập cá nhân	72.976.149	72.976.149	121.312.728	121.312.728
- Thuế đất	-	-	1.046.302.084	1.046.302.084
<b>Cộng</b>	<b>1.514.180.593</b>	<b>1.514.180.593</b>	<b>2.608.819.256</b>	<b>2.608.819.256</b>

**Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022 (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã nộp trong kỳ (VND)	30/06/2022 (VND)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.441.204.444	-	-	1.441.204.444
- Thuế thu nhập cá nhân	121.312.728	150.429.668	(198.766.247)	72.976.149
- Thuế đất	1.046.302.084	1.743.836.807	(2.790.138.891)	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
- Phải trả thuế bị truy thu, phạt nộp chậm	-	29.292.332	(29.292.332)	-
<b>Cộng</b>	<b>2.608.819.256</b>	<b>1.926.558.807</b>	<b>(3.021.197.470)</b>	<b>1.514.180.593</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**5.15 Phải trả khác**

*Phải trả khác ngắn hạn*

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Kinh phí công đoàn	110.671.525	187.469.844
Bảo hiểm bắt buộc	5.014.030	5.505.145
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	479.820.000	479.820.000
Phải trả khác	141.463.898	1.074.993.298
<i>Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	-	803.000.000
- Ông Bùi Quang Minh	-	803.000.000
- <i>Phải trả ngắn hạn khác là bên thứ ba</i>	141.463.898	271.993.298
- Phải trả khoản giữ hộ	-	149.683.898
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	141.463.898	122.309.400
<b>Cộng</b>	<b>736.969.453</b>	<b>1.747.788.287</b>

**5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Số đầu kỳ	1.842.772.423	1.523.393.423
Tăng do trích lập lợi nhuận	713.112.613	-
Giảm trong kỳ	(3.000.000)	(24.550.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.552.885.036</b>	<b>1.498.843.423</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG**

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**5.17 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
01/01/2021	308.800.700.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	84.725.638.655	415.178.714.306
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	35.655.630.697	35.655.630.697
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm trước	46.307.190.000	-	-	-	-	(46.307.190.000)	-
Trích quỹ phúc lợi trong năm trước	-	-	-	-	-	(343.929.000)	(343.929.000)
Bù đắp cho khoản thuế truy thu	-	-	-	(6.898.859.518)	-	-	(6.898.859.518)
<b>31/12/2021</b>	<b>355.107.890.000</b>	<b>3.254.265.000</b>	<b>2.967.606.986</b>	<b>8.425.799.489</b>	<b>105.844.658</b>	<b>73.730.150.352</b>	<b>443.591.556.485</b>
01/01/2022	355.107.890.000	3.254.265.000	2.967.606.986	8.425.799.489	105.844.658	73.730.150.352	443.591.556.485
Lãi trong kì này	-	-	-	-	-	5.653.363.085	5.653.363.085
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kì này (i)	-	-	-	-	-	(713.112.613)	(713.112.613)
<b>30/06/2022</b>	<b>355.107.890.000</b>	<b>3.254.265.000</b>	<b>2.967.606.986</b>	<b>8.425.799.489</b>	<b>105.844.658</b>	<b>78.670.400.824</b>	<b>448.531.806.957</b>

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 0122BB/VIĐ-DHĐCĐ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	355.107.890.000	308.800.700.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	355.107.890.000	308.800.700.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**Cổ phiếu**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.510.789	35.510.789
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	35.510.789	35.510.789
- Cổ phiếu phổ thông	35.510.789	35.510.789
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.510.789	35.510.789
- Cổ phiếu phổ thông	35.510.789	35.510.789

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu.

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa	49.034.404.567	16.014.684.333
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.557.520.327	3.985.748.311
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>52.591.924.894</b>	<b>20.000.432.644</b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	3.873.333.439	3.619.046.433
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	20.558.825.500	-
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	180.000.000	193.500.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	-	90.000.000
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	2.485.366.140	2.839.936.667
<b>Cộng</b>	<b>27.097.525.079</b>	<b>6.742.483.100</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
- Giá vốn hàng hóa	47.074.168.949	14.976.461.837
<b>Cộng</b>	<b>47.074.168.949</b>	<b>14.976.461.837</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	650.260	713.904
- Lãi cho vay (i)	4.066.847.342	3.193.175.617
- Cổ tức, lợi nhuận được chia (ii)	9.650.479.000	5.486.842.900
<b>Cộng</b>	<b>13.717.976.602</b>	<b>8.680.732.421</b>

**(i) Trong đó, lãi cho vay cho bên liên quan**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	715.610.959	1.462.347.946
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	1.849.065.150	-
<b>Cộng</b>	<b>2.564.676.109</b>	<b>1.462.347.946</b>

**(ii) Cổ tức, lợi nhuận được chia từ bên liên quan**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	7.838.347.000	5.486.842.900
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	1.812.132.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.650.479.000</b>	<b>5.486.842.900</b>

**6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	3.888.836.492	3.798.646.615
- Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	81.791.646	78.633.428
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.419.519.477	3.285.897.626
- Thuế, phí và lệ phí	1.977.176.273	1.798.015.151
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.839.237.799	2.375.471.018
- Chi phí bằng tiền khác	1.374.710.438	1.700.136.501
<b>Cộng</b>	<b>13.581.272.125</b>	<b>13.036.800.339</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**6.5. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	118.181.818
Thu nhập khác	37.845.303	740.739
<b>Cộng</b>	<b>37.845.303</b>	<b>118.922.557</b>

**6.6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Nộp phạt vi phạm hành chính về thuế	38.942.640	4.430.674.260
Chi phí khác	-	231
<b>Cộng</b>	<b>38.942.640</b>	<b>4.430.674.491</b>

**6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Chi phí nhân viên	3.888.836.492	3.798.646.615
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	81.791.646	78.633.428
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.419.519.477	3.285.897.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.839.237.799	2.375.471.018
Chi phí bằng tiền khác	3.351.886.711	3.498.151.652
<b>Cộng</b>	<b>13.581.272.125</b>	<b>13.036.800.339</b>

**6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành – Văn phòng Công ty (i)	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành – Chi nhánh Bình Dương (ii)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành – Văn phòng Công ty được dự tính như sau:**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.808.195.942
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(8.869.636.360)
- Điều chỉnh tăng	780.842.640
+ Chi phí không hợp lệ	38.942.640
+ Thù lao Hội đồng quản trị	741.900.000
- Điều chỉnh giảm	9.650.479.000
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	9.650.479.000
Thu nhập tính thuế	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>

**(ii) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành – Chi nhánh Bình Dương được dự tính như sau:**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(154.832.857)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	-
- Điều chỉnh tăng	-
- Điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>

**7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Lãi cho vay chưa thu được bằng tiền	2.603.826.520	1.585.933.425
Mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	170.187.577	54.320.591

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**8 THÔNG TIN KHÁC**

**8.1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Công ty đã phát hành 5.325.280 cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02.22/NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 và Nghị quyết 05.22/NQ/VID-HĐQT ngày 24/05/2022 của Hội đồng Quản trị về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021.

Ngày 14/07/2022, Công ty đã thông qua Nghị quyết 07.22/NQ/VID-HĐQT về việc thông báo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo đó số lượng cổ phiếu đã phân phối là 5.325.280 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu lưu hành tăng từ 35.510.789 cổ phiếu lên 40.836.069 cổ phiếu. Vốn điều lệ tăng từ 355.107.890.000 đồng lên 408.360.690.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**8.2. Thông tin về các bên có liên quan**

***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
<b>Ông Bùi Quang Minh</b>		
Mượn tiền	2.624.800.000	462.000.000
Trả tiền mượn	3.427.800.000	1.484.459.500

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<b>Phải trả khác</b>	-	<b>803.000.000</b>
Ông Bùi Quang Minh	-	803.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	-	<b>803.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
<b>Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>400.702.542</b>	<b>354.119.262</b>
Ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc	205.860.000	141.340.000
Ông Bùi Quang Khoa - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	44.546.862	62.483.582
Bà Nguyễn Thị Thu - Phó Tổng Giám đốc	150.295.680	150.295.680
<b>Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị</b>	<b>330.000.000</b>	<b>262.500.000</b>
Ông Bùi Quang Mẫn - Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	120.000.000	160.500.000
Ông Bùi Quang Khoa – Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	80.000.000	19.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu - Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	40.000.000	39.000.000
Ông Trần Hoàng Nghĩa - Thành viên	30.000.000	19.500.000
Bà Phạm Thị Như Ngọc - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	20.000.000	19.500.000
Ông Bùi Quang Minh – Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	20.000.000	-
Ông Phạm Tất Phú – Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	10.000.000	-
Bà Trần Thị Phương Mai – Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	10.000.000	-
Bà Trần Thị Thủy Tiên - Thành viên	-	4.500.000
<b>Thù lao và thưởng Ban kiểm soát</b>	<b>66.000.000</b>	<b>48.000.000</b>
Bà Lê Thị Minh Giang - Trưởng Ban	30.000.000	21.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên	18.000.000	13.500.000
Bà Bùi Thị Ngọc Yến - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	12.000.000	13.500.000
Bà Trần Thị Tinh – Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>796.702.542</b>	<b>664.619.262</b>

**Các bên liên quan:**

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty con
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**Nghiệp vụ với các bên liên quan:**

Trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông</b>		
Bán hàng hóa	20.558.825.500	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt</b>		
Góp vốn đầu tư	5.967.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực</b>		
Bán hàng hóa	180.000.000	193.500.000
Cho vay	4.800.000.000	15.700.000.000
Cổ tức được chia	7.838.347.000	5.486.842.900
Lãi cho vay	1.849.065.150	1.462.347.946
Thu nợ vay	2.933.000.000	5.890.000.000
<b>Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô</b>		
Bán hàng hóa	3.873.333.439	3.619.046.433
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực</b>		
Bán hàng hóa	-	90.000.000
<b>Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ</b>		
Bán hàng hóa	85.366.140	2.839.936.667
Cho vay	2.000.000.000	-
Cổ tức được chia	1.812.132.000	-
Doanh thu hợp tác kinh doanh	2.400.000.000	-
Lãi cho vay	715.610.959	116.963.288
Thu nợ vay	23.200.000.000	-
Mua dịch vụ	147.375.042	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**Số dư với các bên liên quan:**

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	<b>30/06/2022</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2022</b> <b>(VND)</b>
<b>Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực</b>		
Phải thu tiền cho vay	55.477.000.000	53.610.000.000
Phải thu tiền lãi vay	1.515.345.698	886.280.548
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực</b>		
Phải thu tiền hàng	29.129.970.801	29.129.970.801
<b>Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt</b>		
Phải thu khác	-	1.624.148.800
<b>Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ</b>		
Phải thu tiền cho vay	1.000.000.000	22.200.000.000
Phải thu tiền hàng	3.311.800.324	2.719.227.594
Phải thu tiền lãi vay	342.942.466	22.687.671
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông</b>		
Phải thu tiền hàng	12.117.600.000	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>102.894.659.289</b>	<b>110.192.315.414</b>
	<b>30/06/2022</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2022</b> <b>(VND)</b>
<b>Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ</b>		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	-	18.532.275
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>18.532.275</b>

**8.3. Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Hội đồng Quản trị thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng Quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>30/06/2022</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	287.576.593	-	287.576.593
Phải thu khách hàng	54.328.348.928	-	54.328.348.928
Các khoản phải thu khác	2.830.164.630	300.000.000	3.130.164.630
Phải thu về cho vay dài hạn	-	109.827.000.000	109.827.000.000
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(38.474.874.004)	-	(38.474.874.004)
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.971.216.147</b>	<b>110.127.000.000</b>	<b>129.098.216.147</b>
<b>30/06/2022</b>			
Phải trả cho người bán	(2.854.863.680)	-	(2.854.863.680)
Phải trả khác	(736.969.453)	-	(736.969.453)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(3.591.833.133)</b>	<b>-</b>	<b>(3.591.833.133)</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>15.379.383.014</b>	<b>110.127.000.000</b>	<b>125.506.383.014</b>
<b>01/01/2022</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	384.373.476	-	384.373.476
Phải thu khách hàng	41.858.773.508	-	41.858.773.508
Các khoản phải thu khác	3.653.831.077	300.000.000	3.953.831.077
Phải thu về cho vay dài hạn	-	119.760.000.000	119.760.000.000
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(38.784.716.128)	-	(38.784.716.128)
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.112.261.933</b>	<b>120.060.000.000</b>	<b>127.172.261.933</b>
<b>01/01/2022</b>			
Phải trả cho người bán	(422.134.154)	-	(422.134.154)
Phải trả khác	(1.747.788.287)	-	(1.747.788.287)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(2.169.922.441)</b>	<b>-</b>	<b>(2.169.922.441)</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.942.339.492</b>	<b>120.060.000.000</b>	<b>125.002.339.492</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	287.576.593	384.373.476	287.576.593	384.373.476
Phải thu khách hàng	54.328.348.928	41.858.773.508	15.853.474.924	3.074.057.380
Các khoản phải thu khác	3.130.164.630	3.953.831.077	3.130.164.630	3.953.831.077
Phải thu về cho vay dài hạn	109.827.000.000	119.760.000.000	109.827.000.000	119.760.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>167.573.090.151</b>	<b>165.956.978.061</b>	<b>129.098.216.147</b>	<b>127.172.261.933</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	2.854.863.680	422.134.154	2.854.863.680	422.134.154
Phải trả khác	736.969.453	1.747.788.287	736.969.453	1.747.788.287
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.591.833.133</b>	<b>2.169.922.441</b>	<b>3.591.833.133</b>	<b>2.169.922.441</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**8.4. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

**8.5. Tính hoạt động liên tục của Công ty**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

**8.6. Thông tin về bộ phận**

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại (bán hàng hóa) và lĩnh vực cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Bán hàng hóa (VND)	Dịch vụ (VND)	Cộng (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	49.034.404.567	3.557.520.327	52.591.924.894
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(47.074.168.949)	-	(47.074.168.949)
<b>Lợi nhuận gộp theo bộ phận</b>	<b>1.960.235.618</b>	<b>3.557.520.327</b>	<b>5.517.755.945</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(13.581.272.125)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>(8.063.516.180)</b>
Doanh thu tài chính			13.717.976.602
Chi phí tài chính			-
Thu nhập khác			37.845.303
Chi phí khác			(38.942.640)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>5.653.363.085</b>

Ngày 12 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thủy Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy Tiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh